

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
PHÂN BÓN LÀO CAI**

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	4 - 7
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2016	8
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2016	9 - 10
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý II năm 2016	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5300582654 ngày 06 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Lào Cai cấp bổ sung 4 lần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư: 400.000.000.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	48.070.000.000	12,02%
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai	126.356.520.000	31,59%
Cổ đông khác	225.573.480.000	56,39%
Cộng	400.000.000.000	100,00%

Vốn đầu tư: 400.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Tầng Loòng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Điện thoại : 0203 247 811

Fax : 0203 867 214

Mã số thuế : 5300582654

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 4 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	03 tháng 04 năm 2012	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Ủy viên	03 tháng 04 năm 2012	
Ông Hồ Mạnh Linh	Ủy viên	03 tháng 04 năm 2012	26 tháng 03 năm 2016
Bà Đào Thị Mai	Ủy viên	03 tháng 04 năm 2012	26 tháng 03 năm 2016
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên	16 tháng 03 năm 2013	26 tháng 03 năm 2016
Ông Vũ Văn Ngộ	Ủy viên	26 tháng 03 năm 2016	
Ông Lưu Bách Đạt	Ủy viên	26 tháng 03 năm 2016	
Ông Nguyễn Hồng Nhật	Ủy viên	26 tháng 03 năm 2016	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Lê Thị Hoa	Trưởng ban	03 tháng 04 năm 2012	
Ông Ngô Anh Tuấn	Thành viên	03 tháng 04 năm 2012	
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên	16 tháng 03 năm 2013	

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lưu Bách Đạt	Giám đốc	01 tháng 06 năm 2014	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần hóa chất phân bón Lào Cai tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Giám đốc

Lưu Bách Đạt

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.486.322.459	513.683.114.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.376.604.700	1.733.906.568
1. Tiền	111		19.376.604.700	1.733.906.568
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.587.749.339	143.243.182.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.343.324.750	137.227.575.567
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.199.516.089	3.717.089.813
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	44.908.500	2.298.517.545
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		169.236.118.883	318.390.723.861
1. Hàng tồn kho	141	V.7	169.236.118.883	318.390.723.861
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.285.849.537	50.315.300.650
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	461.433.492	3.955.966.880
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.824.416.045	46.359.333.770
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.092.106.367.303	1.129.504.022.694
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.063.707.170.978	1.102.549.572.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	999.867.550.766	1.038.005.871.154
<i>Nguyên giá</i>	222		1.159.078.183.138	1.147.931.457.401
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159.210.632.372)	(109.925.586.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.839.620.212	64.543.701.444
<i>Nguyên giá</i>	228		66.202.930.632	66.202.930.632
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.363.310.420)	(1.659.229.188)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.653.957.672	209.384.411
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.653.957.672	209.384.411
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.745.238.653	2.745.065.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.745.238.653	2.745.065.685
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.408.592.689.762	1.643.187.136.698

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		740.549.341.065	1.078.850.681.529
I. Nợ ngắn hạn	310		740.549.341.065	1.078.850.681.529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	189.344.900.037	246.840.762.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.554.014.168	113.183.061
4. Phải trả người lao động	314		10.210.605.039	17.651.051.961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.405.178.770	2.378.312.048
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	439.741.634	156.776.435.636
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	517.698.733.137	637.703.767.824
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	16.896.168.280	17.387.168.280
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		668.043.348.697	564.336.455.169
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	668.043.348.697	564.336.455.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.336.455.169	64.336.455.169
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		203.706.893.528	100.000.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.000.000.000	100.000.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103.706.893.528	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.408.592.689.762	1.643.187.136.698

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Phạm Thị Bích



Lưu Bách Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

LFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	555.207.851.104	464.999.271.567	968.401.615.296	820.374.218.588
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		555.207.851.104	464.999.271.567	968.401.615.296	820.374.218.588
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	394.772.014.737	331.813.082.320	697.884.336.925	604.923.490.690
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160.435.836.367	133.186.189.247	270.517.278.371	215.450.727.898
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.700.526.812	1.872.154.830	5.713.143.425	2.620.536.154
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	6.967.880.882	19.281.155.972	14.020.945.457	27.603.000.915
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		5.845.153.436	8.182.042.402	11.262.691.812	14.871.774.178
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	86.025.479.360	39.900.787.803	153.643.035.705	77.395.377.854
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.651.054.846	2.830.636.317	5.436.107.364	7.840.041.866
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.491.948.091	73.045.763.985	103.130.333.270	105.232.843.417
11.	Thu nhập khác	31		3.766.464.727	4.295.607.680	7.496.758.932	8.998.151.595
12.	Chi phí khác	32	VI.7	3.766.464.727	4.317.844.273	6.920.198.674	9.595.219.550
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(22.236.593)	576.560.258	(597.067.955)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.491.948.091	73.023.527.392	103.706.893.528	104.635.775.462
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	-	-	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.491.948.091	73.023.527.392	103.706.893.528	104.635.775.462
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.596	3.651	2.453	5.232
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.228	1.727	1.887	2.475

Người lập biểu

Báo cáo này *Phạm Thị Bích* lập theo *đội* *đồng* với *Ban* *thuyết* *minh* *Báo* *cáo* *tài* *chính*

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2016



Lưu Bích Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		103.706.893.528	104.635.775.462
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		49.989.127.357	48.646.106.727
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	670.154.752	4.716.590.666
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(27.780.472)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.262.691.812	14.871.774.178
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		165.601.086.977	172.870.247.033
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		70.448.651.123	(3.658.398.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		149.154.605.150	(22.375.099.714)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(374.287.910.080)	23.405.869.541
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.494.360.420	(2.235.052.849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.210.780.840)	(6.766.409.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(491.000.000)	(930.192.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.709.012.750	160.310.964.120
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.591.298.998)	(13.602.871.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.122.073.577)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.122.073.577	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.780.472	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.563.518.526)	(13.602.871.481)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	646.611.469.791	505.936.309.237
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(775.544.959.214)	(649.568.968.800)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		156.430.693.331	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.497.203.908	(143.632.659.563)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.642.698.132	3.075.433.076
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.733.906.568	403.558.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.376.604.700	3.478.991.815

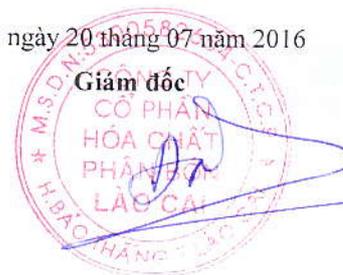
Người lập biểu

Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng

* Phạm Thị Bích

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2016



Lưu Bách Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất hóa chất cơ bản;
 - Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ;
 - Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
 - Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
 - Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
 - Khai thác quặng sắt;
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Khai thác quặng hóa chất và khoáng phân bón;
 - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;

4. Cấu trúc Công ty

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (*)	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	40,00%	40,0%	40,0%

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 Công ty có 463 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 465 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	478.302.854	617.914.511
Tiền gửi ngân hàng	18.898.301.846	1.115.992.057
Cộng	<u>19.376.604.700</u>	<u>1.733.906.568</u>

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	24.000.000.000		24.000.000.000	24.000.000.000		24.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ(*)	24.000.000.000		24.000.000.000	24.000.000.000		24.000.000.000
Cộng	<u>24.000.000.000</u>		<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>		<u>24.000.000.000</u>

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000132 thay đổi lần thứ nhất do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ 24.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp vốn 24.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ		
Chi phí thuê kho của DDC	19.512.303.300	14.960.490.989
Thuế GTGT tiền thuê kho	1.951.230.330	1.496.049.100
Thanh toán chi phí thuê kho	21.557.087.196	13.365.299.089

3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	512.379.248	155.074.861
Công ty TNHH Văn Minh	476.370.332	155.074.861

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty cổ phần hóa chất Bảo Thắng	36.008.916		
Phải thu các khách hàng khác	97.830.945.502		137.072.500.706
Zuari Agro Chemicals Limited	2.811.419.139		
Philippine Phosphate Fertilizer Corporation	45.241.035.326		
Mangalore Chemicals and Fertilizers Limited	2.744.811.128		
Getax Agrifert DMCC	44.192.264.862		
Wilson International Trading (L) BHD			65.589.862.772
Paradeep phosphates limited	2.841.415.047		6.955.466.906
OCI CORPORATION			5.290.994.520
Dexima GMBH			909.590.430
Allied Harvest (Asia) Company Limited			58.209.977.358
Công ty cổ phần đầu tư Trường Minh			116.608.720
Cộng	98.343.324.750		137.227.575.567
4 Trả trước cho người bán ngắn hạn			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan			
Trả trước cho người bán khác	7.199.516.089		3.717.089.813
Ban QLDA.GPMB & TĐC cụm công nghiệp	763.552.115		763.552.115
Jiangsu New Hongda Group Co.,LTD (Tân Hế	312.194.111		1.613.487.632
FORMOSA PETROCHEMICAL CORPORA	1.529.731.500		
Doanh nghiệp tư nhân Đức Trường Giang	1.428.934.500		
CN Cty TNHH MTV DV lữ hành Saigontourist tạ	1.370.176.000		
Các nhà cung cấp khác	1.794.927.863		1.340.050.066
Cộng	7.199.516.089		3.717.089.813
5 Phải thu ngắn hạn khác			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
	Dự phòng		Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	44.908.500		2.138.096.391
Công ty CP Hóa chất Đức Giang			
Đình Vũ			2.138.096.391
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC			
Thắng	44.908.500		
Phải thu các tổ chức và cá nhân			160.421.154
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			160.421.154
Cộng	44.908.500		2.298.517.545
6 Hàng tồn kho			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	Dự phòng		Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	122.723.172.130		227.943.733.279
Chi phí sản xuất KD dở dang			
Công cụ, dụng cụ			42.371.636
Thành phẩm	46.512.946.753		90.404.618.946

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hàng Hóa

Cộng**169.236.118.883****318.390.723.861****7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ

Số cuối kỳ
1.745.238.653**Số đầu năm**
2.745.065.685

Chi phí sửa chữa

Cộng**1.745.238.653****2.745.065.685****8 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	690.482.995.486	445.207.869.261	12.167.865.382	72.727.272	1.147.931.457.401
Tăng trong kỳ	1.603.224.378	6.134.410.450	3.409.090.909		11.146.725.737
Số cuối kỳ	692.086.219.864	451.342.279.711	15.576.956.291	72.727.272	1.159.078.183.138
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	56.081.179.899	51.911.321.752	1.903.993.692	29.090.904	109.925.586.247
Tăng do khấu hao trong kỳ	24.906.478.353	23.355.983.360	1.015.311.686	7.272.726	49.285.046.125
Số cuối kỳ	80.987.658.252	75.267.305.112	2.919.305.378	36.363.630	159.210.632.372
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	634.401.815.587	393.296.547.509	10.263.871.690	43.636.368	1.038.005.871.154
Số cuối kỳ	611.098.561.612	376.074.974.599	12.657.650.913	36.363.642	999.867.550.766

9 Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nguyên giá			
Số đầu năm	66.202.930.632	1.659.229.188	
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		704.081.232	
Số cuối kỳ	66.202.930.632	2.363.310.420	63.839.620.212

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	209.384.411	4.047.797.639	1.603.224.378	2.653.957.672
Hệ thống đường xá	209.384.411	2.050.323.162		2.259.707.573
Khu vực lọc cặn Axit		1.603.224.378	1.603.224.378	
Lọc băng tải		394.250.099		394.250.099
Sửa chữa TSCD				
Cộng	209.384.411	4.047.797.639	1.603.224.378	2.653.957.672

11 Phải trả người bán ngắn hạn**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.214.000.373</i>	<i>11.210.667.288</i>
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	5.279.710.590	5.373.264.156
Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	9.934.289.783	5.837.403.132
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>174.130.899.664</i>	<i>235.630.095.431</i>
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Na	110.567.468.681	61.494.884.907
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cường Thịnh Thi	8.883.537.941	19.989.918.043
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hà Anh	16.140.847.159	
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang Nam I	7.775.806.604	4.908.506.043
Jiangsu huadu E.P.Scien and technology co.,ld	1.308.231.328	
Komsa Sarl		112.762.562.133
Công ty cổ phần vận tải I Traco	5.965.312.320	15.172.710.630
Công ty cổ phần kinh doanh than và XD Hà N	900.331.432	
Công ty điện lực Lào Cai	2.318.724.678	
Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch tỉ	1.021.359.599	
Công ty TNHH TM và VT Tân Trường Hưng	2.597.400.000	
Công ty TNHH TM Hoàng Đạt	1.525.800.000	
Các nhà cung cấp khác	15.126.079.922	21.301.513.675
Cộng	189.344.900.037	246.840.762.719

12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên có liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty cổ phần đầu tư Trường Minh		
Cộng		

13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Bù trừ thuế GTGT được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			8.318.067.788	8.318.067.788			
Thuế xuất, nhập khẩu			1.989.778.894	1.989.778.894			
Thuế thu nhập cá nhân	113.183.061		4.461.899.359	1.021.068.252		3.554.014.168	
Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác			3.000.000	3.000.000			
Cộng	113.183.061		14.772.746.041	11.331.914.934		3.554.014.168	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu: 0%

Quặng bột: 5%

Các loại hóa chất khác: 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 121210000360 ngày 05 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, dự án được hưởng các ưu đãi theo Luật đầu tư năm 2005. Theo đó, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.706.893.528	104.635.775.462
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	344.796.394	944.049.895
- Các khoản điều chỉnh tăng	344.796.394	944.049.895
Chi phí vé máy bay không có cuống vé		
Khoản chi không có chứng từ hợp lệ	128.796.394	588.049.895
Thu lao Hội đồng quản trị không trực tiếp	216.000.000	356.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức là lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản		
Thu nhập chịu thuế	104.051.689.922	105.579.825.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.405.168.992	10.557.982.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn,	(10.405.168.992)	(10.557.982.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14 Chi phí phải trả ngắn hạn

Phải trả các bên có liên quan

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ				
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		2.405.178.770	2.378.312.048	
Chi phí lãi vay phải trả		130.223.020	78.312.048	
Tiền điện		2.274.955.750	2.300.000.000	
Cộng		2.405.178.770	2.378.312.048	
15 Phải trả ngắn hạn khác				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>			69.790.926.147	
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai			44.723.534.848	
Công ty CP bột giặt và hóa chất Đức Giang			25.067.391.299	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		439.741.634	86.985.509.489	
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN		96.430.459	7.431.130	
Tiền cổ tức		12.356.175	86.652.123.359	
Phải trả, phải nộp khác		330.955.000	325.955.000	
Cộng		439.741.634	156.776.435.636	
16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn				
16a. Vay ngắn hạn				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	178.875.320.404	178.875.320.404	372.413.604.047	372.413.604.047
Vay Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (i)	88.428.787.204	88.428.787.204	43.454.204.776	43.454.204.776
Vay Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai (ii)	90.446.533.200	90.446.533.200	324.581.472.849	324.581.472.849
Vay Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng (iii)			4.377.926.422	4.377.926.422
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	338.823.412.733	338.823.412.733	265.290.163.777	265.290.163.777
Vay ngắn hạn ngân hàng - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch HN (v)	109.436.021.584	109.436.021.584	101.079.936.326	101.079.936.326
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (v)	29.148.901.741	29.148.901.741		
- Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank (vi)	98.965.074.287	98.965.074.287	80.154.966.435	80.154.966.435
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (vii)	101.273.415.121	101.273.415.121	84.055.261.016	84.055.261.016
Vay dài hạn đến hạn trả				
	517.698.733.137	517.698.733.137	637.703.767.824	637.703.767.824

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang theo hợp đồng vay số 010114/HĐ/LFC ngày 1/1/2014, mục đích vay là chi trả cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Axit Photphoric trích ly 100.000 tấn/năm và nhà máy sản xuất phân lân giàu TSP 100.000 tấn/năm. Lãi suất áp dụng theo thỏa thuận từng thời kỳ. Theo phụ lục hợp đồng số 010114-3/PLHĐ/LFC ngày 1/4/2015, lãi suất vay áp dụng là 5% kể từ ngày 1/4/2015.
- (ii) Khoản vay Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai theo hợp đồng số 010113/HĐ/DLC, tiền vay được sử dụng vào mục đích chi trả cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Axit Photphoric trích ly 100.000 tấn/năm và nhà máy sản xuất phân lân giàu TSP 100.000 tấn/năm. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận từng thời kỳ. Theo phụ lục hợp đồng số 010113-5/PLHĐ/LFC ngày 1/4/2015, lãi suất vay áp dụng là 5% kể từ ngày 1/4/2015.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng ngân hàng TMCP Ngoại Thương số: 150083/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 20/07/2015 mức cấp tín dụng không quá 200 tỷ đồng. Lãi suất sẽ được thông báo tại thời điểm nhận nợ vay, hạn mức cấp tín dụng được bảo đảm bằng tài sản theo báo cáo kiểm tra và định giá tài sản bảo đảm số 01/2013/LFC - TSBD ngày 12/3/2013 và 01.1/2013/LFC - TSBD ngày 1/4/2013.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng số 425.14.737.1792967.TD ngày 9/10/2014 để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, phân bón, hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết 30/9/2015, thời gian đáo hạn với một khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân là sau tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển gồm: nguyên vật liệu, quặng apatit, lưu huỳnh, sản phẩm dờ dang, bán thành phẩm.. tại khuôn viên nhà máy, quyền sử dụng đất và quyền khai thác kho hóa chất là tài sản Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ, lãi suất được xác định trong từng kế ước nhận nợ.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lào Cai theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT180-PBLC ngày 5 tháng 2 năm 2015, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh của công ty. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất áp dụng là 1,8%/năm tại thời điểm vay và được điều chỉnh lại một tháng một lần. Khoản vay không được đảm bảo bằng tài sản, tuy nhiên bên vay sẽ phải thực hiện biện pháp đảm bảo bằng tài sản nếu vi phạm hợp đồng hoặc không còn đáp ứng được điều kiện được cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	265.290.163.777	372.413.604.047		637.703.767.824
Số tiền vay phát sinh trong năm	478.176.469.791	168.435.000.000		646.611.469.791
Tăng do lãi nhập gốc		8.420.966.826		8.420.966.826

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tăng do chênh lệch tỷ giá	507.487.910		507.487.910
Số tiền vay đã trả trong năm	(405.150.708.745)	(370.394.250.469)	(775.544.959.214)
Số cuối năm	338.823.412.733	178.875.320.404	517.698.733.137

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	9.158.680.340			9.158.680.340
Quỹ phúc lợi	8.228.487.940		491.000.000	7.737.487.940
Cộng	17.387.168.280		491.000.000	16.896.168.280

18 Vốn chủ sở hữu**19a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000			15.776.315.336	215.776.315.336
Góp vốn trong năm	200.000.000.000				200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm				323.320.550.019	323.320.550.019
Trích lập các quỹ			64.336.455.169	(82.653.815.849)	(18.317.360.680)
Phân phối lợi nhuận				(156.443.049.506)	(156.443.049.506)
Số dư cuối kỳ trước	400.000.000.000		64.336.455.169	100.000.000.000	564.336.455.169
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000		64.336.455.169	100.000.000.000	564.336.455.169
Góp vốn trong năm					
Lợi nhuận trong kỳ này				103.706.893.528	103.706.893.528
Trích lập các quỹ					
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000		64.336.455.169	203.706.893.528	668.043.348.697

19b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu h 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1a Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	925.435.457.133	817.788.965.108
Doanh thu bán hàng hóa	42.966.158.163	2.585.253.480
Cộng	968.401.615.296	820.374.218.588

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Gi:	540.193.500	723.092.700
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	491.085.000	657.357.000
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	49.108.500	65.735.700
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai	186.881.490.864	224.168.481.075
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	169.903.880.174	203.789.528.250
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	16.977.610.690	20.378.952.825
Công ty TNHH Văn Minh	2.567.672.064	464.862.132
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	2.334.247.331	422.601.938
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	233.424.733	42.260.194

Công ty cổ phần hóa chất Bảo Thắng
Bán hàng và cung cấp dịch vụ
Thuế GTGT đầu ra

36.008.916

32.735.379

3.273.537

2 Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	657.218.781.001	602.619.490.690
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.665.555.924	2.304.000.000
Cộng	697.884.336.925	604.923.490.690

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.780.472	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.884.909	5.867.352
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.677.478.044	2.614.668.802
Cộng	5.713.143.425	2.620.536.154

4 Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.262.691.812	14.871.774.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.088.098.893	8.014.636.071
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	670.154.752	4.716.590.666
Cộng	14.020.945.457	27.603.000.915

5 Chi phí bán hàng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.998.789.285	67.315.327.753
Chi phí bằng tiền khác	644.246.420	10.080.050.101
Cộng	<u>153.643.035.705</u>	<u>77.395.377.854</u>
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.407.648.115	6.317.284.800
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	865.149.234	802.896.982
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	27.959.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.824.563	211.828.656
Chi phí bằng tiền khác	1.061.485.452	480.071.948
Cộng	<u>5.436.107.364</u>	<u>7.840.041.866</u>
7 Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền điện, nước	6.906.516.893	8.998.151.595
Thu nhập khác	590.242.039	
Cộng	<u>7.496.758.932</u>	<u>8.998.151.595</u>
8 Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tiền điện, nước bán cho DLC	6.920.008.632	8.997.169.655
Chi phí khác	190.042	598.049.895
Cộng	<u>6.920.198.674</u>	<u>9.595.219.550</u>
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	103.706.893.528	104.635.775.462
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		
kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ		
đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông:	5.600.172.251	(930.192.400)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>5.600.172.251</i>	<i>(930.192.400)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.106.721.277	103.705.583.062
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu		
phổ thông đang lưu hành trong kỳ	40.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.453</u>	<u>5.185</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	40.000.000	40.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loông, huyện Bào Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu
phổ thông đang lưu hành trong kỳ

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình
quân trong kỳ

40.000.000

40.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức G		
Cước dịch vụ, vận chuyển phải trả DGC	24.178.620.042	14.420.947.000
Hàng hóa mua của DGC	14.093.158.827	27.949.783
Trả tiền cước vận chuyển cho DGC	33.634.698.718	13.725.804.083
Đối trừ công nợ với DGC	540.193.500	723.092.700
Lãi tiền vay phải trả DGC	1.374.083.715	805.526.939
Vay tiền của DGC	65.351.000.000	6.514.500.000
Trả tiền vay cho DGC	21.750.501.287	45.996.876.906

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tiền bảo hiểm đã trả cho DGC	45.886.913	95.680.000
Tiền cổ tức đã trả cho DGC	25.067.391.299	
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai		
Bán điện nước cho DLC	7.554.183.473	9.878.666.286
Thu tiền hàng của DLC	57.750.000.000	179.358.325.155
Đối trừ công nợ với DLC	136.685.674.337	54.688.822.206
Mua hàng của DLC	44.521.398.047	54.688.822.206
Lãi vay phải trả DLC	7.028.783.618	6.753.247.279
Vay tiền của DLC	76.784.000.000	40.157.077.773
Trả tiền vay cho DLC	225.783.446.977	242.393.556.646
Tiền cổ tức đã trả cho DLC	44.723.534.848	
Tiền bảo hiểm phải thu của DLC		91.180.214
Công ty TNHH Văn Minh		
Mua vật tư từ Văn Minh	1.606.331.894	1.549.525.334
Trả tiền mua hàng cho Văn Minh	609.727.398	1.247.069.796
Đối trừ công nợ với Văn Minh	996.604.497	405.088.532
Bán hàng hóa cho Văn Minh	2.567.672.064	422.601.938
Thu tiền hàng của Văn Minh	1.249.772.096	75.614.664
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng (BTC)		
Vay tiền của BTC	12.177.926.423	
Trả tiền vay BTC	16.546.171.867	
Cho BTC vay tiền	14.122.073.577	
Thu tiền vay của BTC	14.122.073.577	
Lãi vay trả cho BTC	18.099.493	
Lãi vay BTC phải trả	27.780.472	
Tiền bảo hiểm nộp hộ BTC	44.908.500	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: là hoạt động sản xuất phốt pho, decalcium phốt phát, supe lân, Silicat.
- Lĩnh vực thương mại: bán quặng bột apatit, lưu huỳnh, fero.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	925.435.457.133	42.966.158.163		968.401.615.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	925.435.457.133	42.966.158.163		968.401.615.296
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	268.216.676.132	2.300.602.239		270.517.278.371
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(159.079.143.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				111.438.135.302
Doanh thu hoạt động tài chính				5.713.143.425
Chi phí tài chính				(14.020.945.457)
Thu nhập khác				7.496.758.932
Chi phí khác				(6.920.198.674)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				103.706.893.528
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	19.065.640.835			19.065.640.835
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	55.714.167.524	45.047.470		55.759.214.994
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	817.788.965.108	2.585.253.480		820.374.218.588
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	817.788.965.108	2.585.253.480	820.374.218.588
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	215.169.474.418	281.253.480	215.450.727.898
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(85.235.419.720)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			130.215.308.178
Doanh thu hoạt động tài chính			2.620.536.154
Chi phí tài chính			(27.603.000.915)
Thu nhập khác			8.998.151.595
Chi phí khác			(9.595.219.550)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>			<u>104.635.775.462</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản</i>	585.559.648.304		585.559.648.304
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi</i>	15.371.753.017		15.371.753.017
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn</i>			

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.330.227.676.112			1.330.227.676.112
Tài sản phân bổ cho bộ phận	12.096.054.750	561.596.163		12.657.650.913
Các tài sản không				65.707.362.737
Tổng tài sản				<u>1.408.592.689.762</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	189.344.900.037			189.344.900.037
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	506.785.459.320	23.529.057.626		530.314.516.946
Nợ phải trả không				20.889.924.082
Tổng nợ phải trả				<u>740.549.341.065</u>
Số đầu năm				

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.332.257.400.588			1.332.257.400.588
Tài sản phân bổ cho bộ phận	26.588.626.736	12.512.649.041		39.101.275.777
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				90.615.200.648
Tổng tài sản				1.461.973.877.013
Nợ phải trả trực tiếp	859.356.330.919			859.356.330.919
Nợ phải trả phân bổ	123.206.573.014	57.981.204.634		181.187.777.648
Nợ phải trả không phân bổ				205.653.453.110
Tổng nợ phải trả				1.246.197.561.677

2b Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước. Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Khu vực trong nước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	172.777.697.884	210.456.221.645
Khu vực nước ngoài	795.623.917.412	609.917.996.943
Cộng	968.401.615.296	820.374.218.588

3 Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.376.604.700				19.376.604.700
Các khoản cho vay					
Phải thu khách hàng	98.343.324.750				98.343.324.750
Các khoản phải thu khác	44.908.500				44.908.500
Cộng	117.764.837.950				117.764.837.950
	Chưa quá hạn hay chưa bị	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.733.906.568				1.733.906.568
Phải thu khách hàng	137.227.575.567				137.227.575.567
Các khoản cho vay khác	2.298.517.545				2.298.517.545
Cộng	141.259.999.680				141.259.999.680

3b Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm	Trên 1	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	517.698.733.137			517.698.733.137
Phải trả người bán	189.344.900.037			189.344.900.037
Các khoản phải trả khác	2.748.489.945			2.748.489.945
Cộng	709.792.123.119			709.792.123.119
	Từ 1 năm	Trên 1	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	637.703.767.824			637.703.767.824

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phải trả người bán	246.840.762.719		246.840.762.719
Các khoản phải trả khác	156.769.004.506		156.769.004.506
Cộng	1.041.313.535.049		1.041.313.535.049

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và ngày 31 tháng 03 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương	19.376.604.700	1.733.906.568	19.376.604.700	1.733.906.568
Phải thu khách hàng	98.343.324.750	137.227.575.567	98.343.324.750	137.227.575.567
Các khoản cho vay				
Phải thu khác	44.908.500	2.298.517.545	44.908.500	2.298.517.545
Cộng	117.764.837.950	141.259.999.680	117.764.837.950	141.259.999.680

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT PHÂN BÓN LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tầng Loòng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	517.698.733.137	637.703.767.824	517.698.733.137	637.703.767.824
Phải trả người bán	189.344.900.037	246.840.762.719	189.344.900.037	246.840.762.719
Các khoản phải trả khác	2.748.489.945	156.769.004.506	2.748.489.945	156.769.004.506
Cộng	709.792.123.119	1.041.313.535.049	709.792.123.119	1.041.313.535.049

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập. ngày 20 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

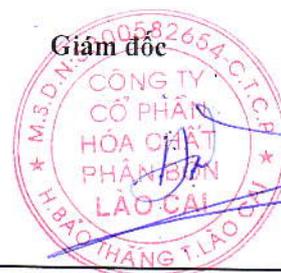
Giám đốc



Phạm Thị Bích



Phạm Thị Bích



Luu Bách Đạt